

20  
24

**BÁO CÁO PHÂN TÍCH**  
**SHB – ĐÓN ĐẦU CHU KỲ MỚI**

**FIDT**

FOCUS ON PERFORMANCE

*Phòng Nghiên cứu và Phân tích*

*Công ty CP FIDT*

*Website: [Fidt.vn](http://fidt.vn)*

*Email: [support@fidt.vn](mailto:support@fidt.vn)*

## ĐÓN ĐẦU CHU KỲ MỚI

### Luận điểm đầu tư

#### Định giá quá thấp so với quy mô hoạt động

Quy mô cho vay đứng thứ 9 toàn ngành, quy mô tổng tài sản trong top 10 ngành ngân hàng, có thể nhận thấy SHB sở hữu quy mô tương đương với các ngân hàng tư nhân lớn như STB, ACB và thậm chí lớn hơn HDB, LPB, VIB.

Tuy nhiên chúng tôi nhận định SHB sở hữu câu chuyện sắp tới, cốt lõi doanh nghiệp của SHB vẫn bền vững trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều bất ổn, và trong chu kỳ phục hồi của nền kinh tế thì SHB hoàn toàn có thể giải quyết những vấn đề tồn đọng. FIDT cho rằng với giả định tăng trưởng bền vững, SHB đang ở mức định giá quá thấp và là đang là cơ hội đầu tư dài hạn tiềm năng.

#### Cải thiện NIM với động lực chính từ tăng trưởng tín dụng

Với kỳ vọng nền kinh tế sẽ dần ấm lên từ 2H2024, tăng trưởng tín dụng tích cực sẽ bù đắp chi phí huy động cao, từ đó hỗ trợ NIM.

Phân khúc KHDN sẽ được các bank ưu tiên đẩy mạnh khi nhu cầu tín dụng từ phía doanh nghiệp sẽ sớm hơn bán lẻ. Do vậy, FIDT đánh giá cao những ngân hàng có danh mục cho vay doanh nghiệp mạnh, điển hình là SHB.

#### CIR ở mức thấp nhất ngành

Khả năng quản trị chi phí tốt cho phép SHB tối ưu hiệu quả hoạt động, đảm bảo tăng trưởng lợi nhuận trong bối cảnh ngành Ngân hàng còn nhiều bất định. Đồng thời, CIR thấp cho phép SHB thoải mái hơn trong việc trích lập dự phòng khi diễn biến chất lượng tài sản đang xấu dần đầu năm nay.

#### Chất lượng tài sản suy giảm, kỳ vọng cải thiện so với 2023

Ban lãnh đạo SHB đưa tỷ lệ nợ xấu mục tiêu năm 2024 xuống 2.7%, phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi. Trong bối cảnh tăng trưởng tín dụng yếu và NIM giảm, chúng tôi kỳ vọng SHB sẽ sử dụng bộ đệm dự phòng để xử lý nợ xấu đồng thời giảm bớt áp lực dự phòng trong những quý tới.

Giá mục tiêu **16,187**

Upside **40%**

#### Thông tin cổ phiếu

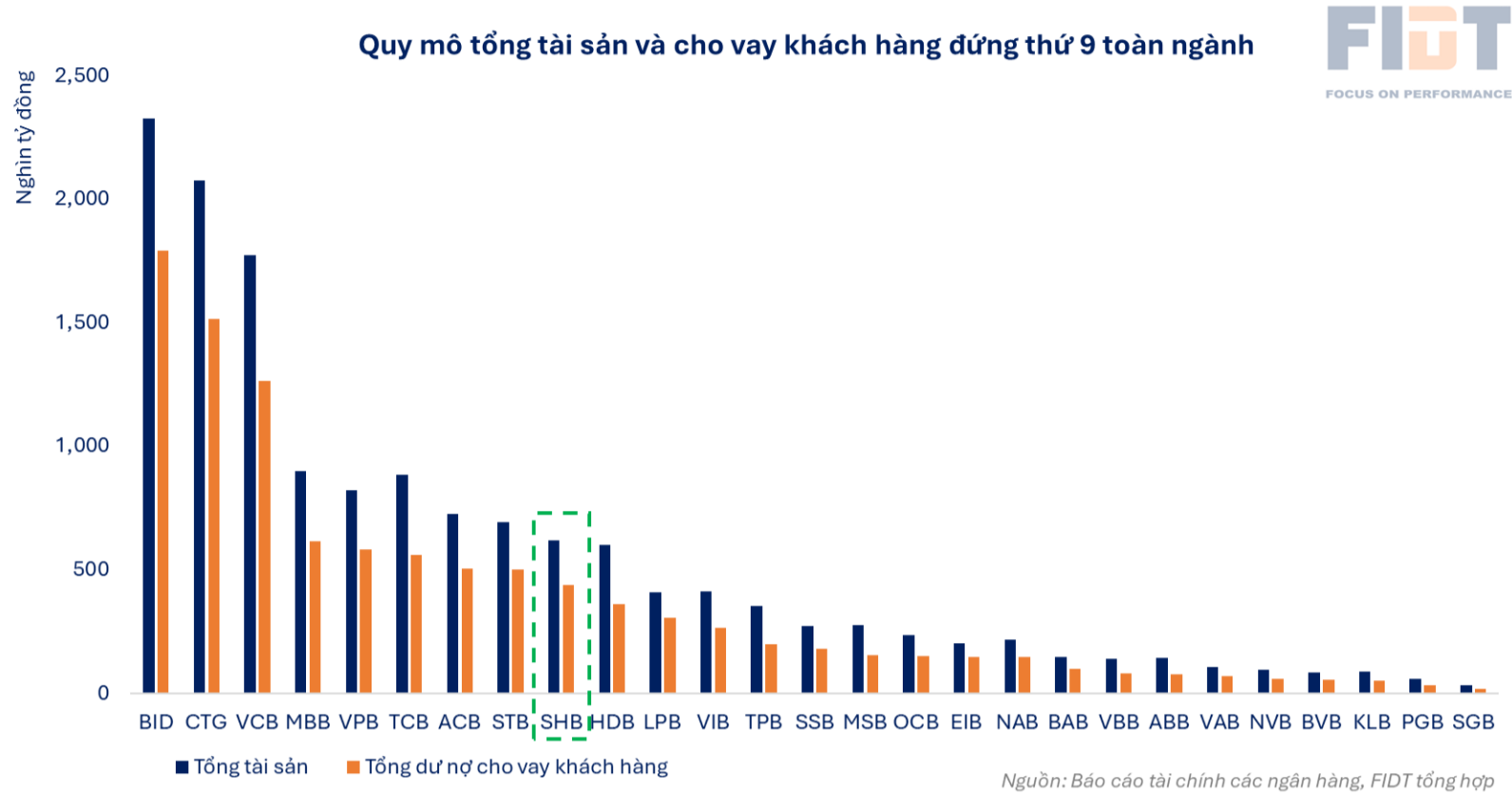
Ngành	Ngân hàng
Ngày báo cáo	01/07/2024
Giá hiện tại (VND/cp)	11,600
Vốn hóa (Tỷ VND)	42,483.98
P/E	5.40
P/B	0.8
ROE	15.58%
ROA	1.28%
EPS (VND/cp)	2,148.45
BVPS	14,520.75
Sở hữu NN	3.06%
GTGD/ngày (Tỷ VND)	394.2
SLCP lưu hành (triệu cp)	3,662.41
Free float	4.00%



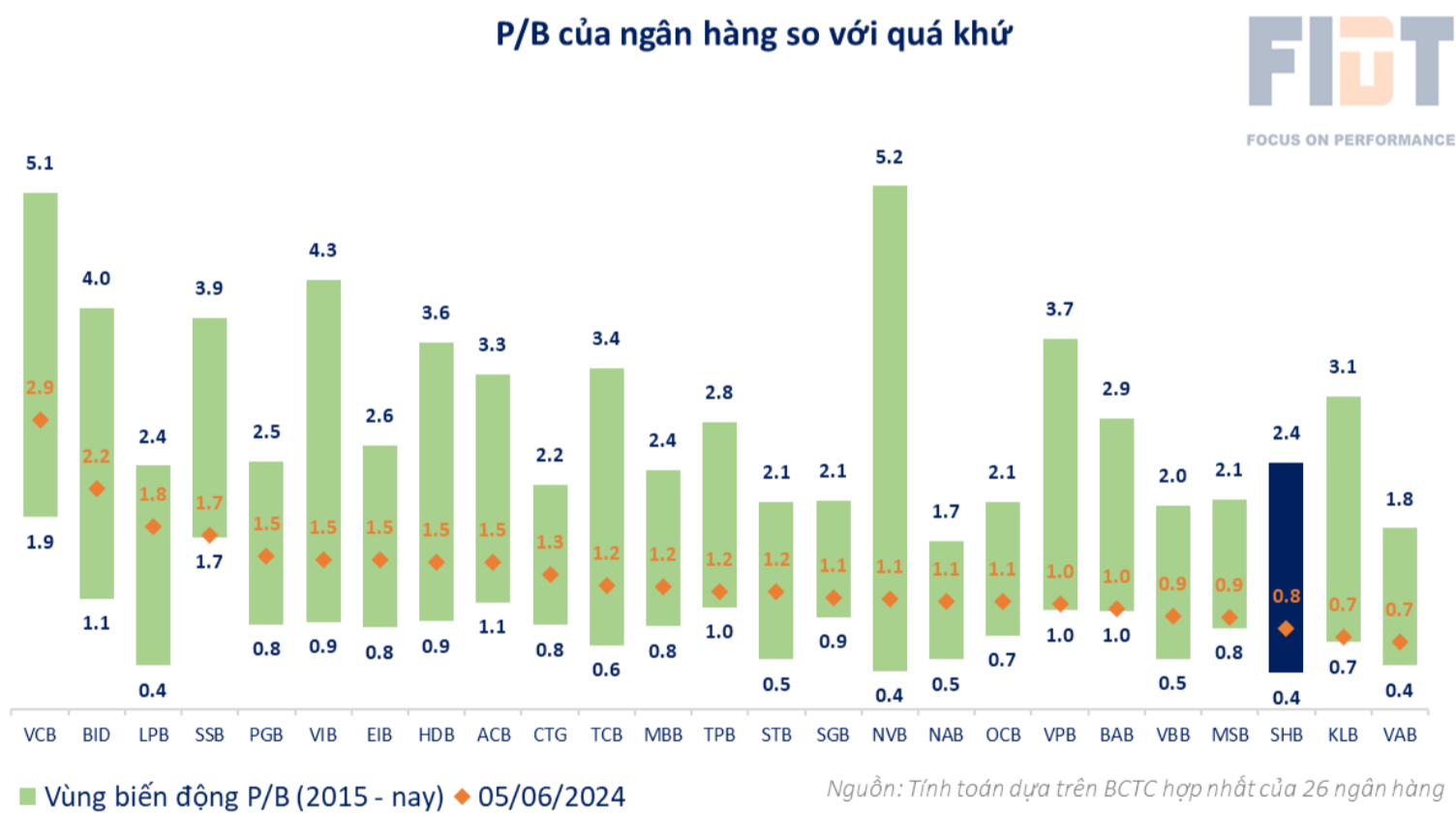
# Luận điểm đầu tư

## Định giá quá thấp so với quy mô hoạt động

Quy mô cho vay đứng thứ 9 toàn ngành, quy mô tổng tài sản trong top 10 ngành ngân hàng, có thể nhận thấy SHB sở hữu quy mô tương đương với các ngân hàng tư nhân lớn như STB, ACB và thậm chí lớn hơn HDB, LPB, VIB.



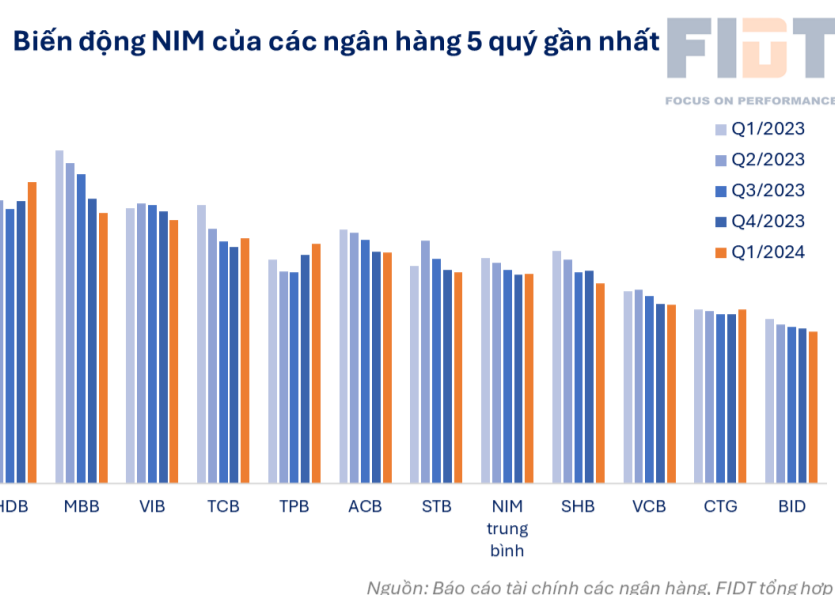
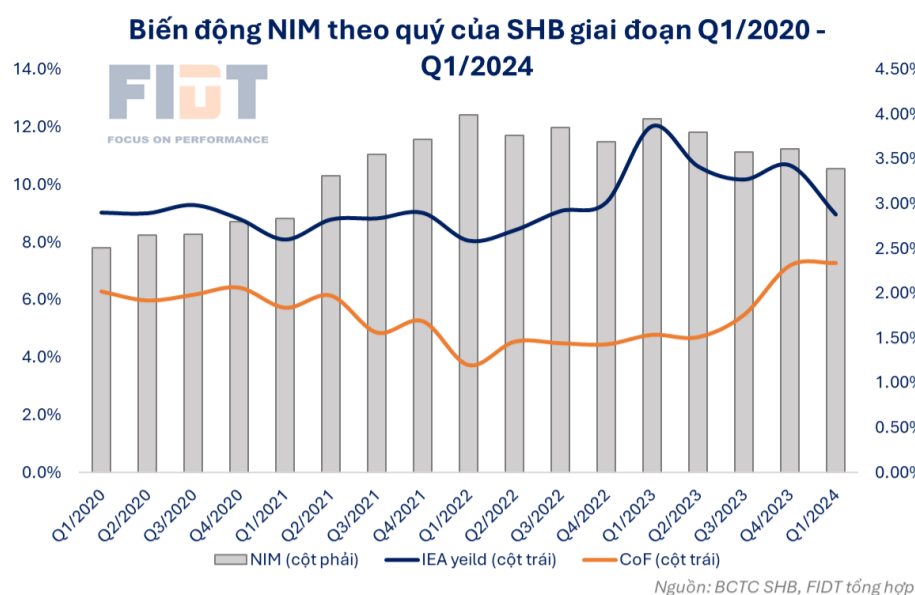
Tuy nhiên SHB đang được định giá với mức P/B 0.76 lần, rất thấp so với toàn ngành ngân hàng.



Chúng tôi cho rằng thị trường đang định giá SHB ở mức thấp chủ yếu do (1) SHB đang chật vật với mức sinh lời thấp (ROE Q1 = 15.5% < 18.5% toàn ngành) (2) NIM ở dưới mức trung bình ngành (3) chất lượng tài sản đang ở vùng xấu (NPL chạm 3% trong Q1/2024).

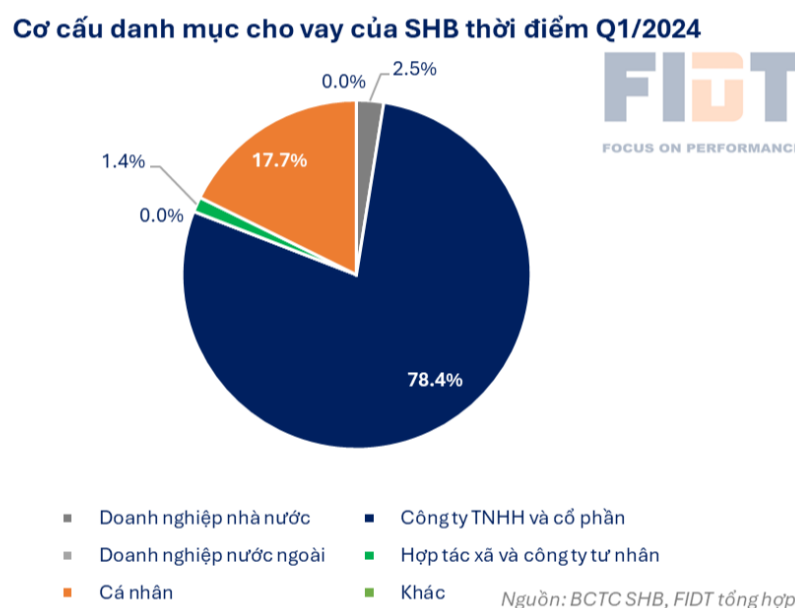
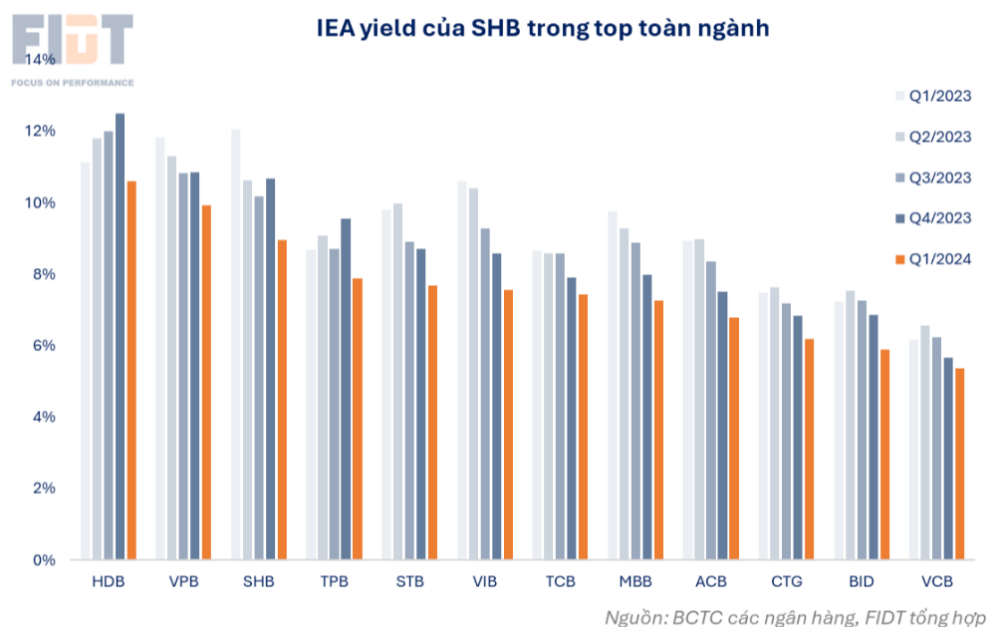
Tuy nhiên chúng tôi nhận định SHB sở hữu câu chuyện turnaround sắp tới, cốt lõi doanh nghiệp của SHB vẫn bền vững trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều bất ổn, và trong chu kỳ phục hồi của nền kinh tế thì SHB hoàn toàn có thể giải quyết những vấn đề tồn đọng. FIDT cho rằng với giả định tăng trưởng bền vững, SHB đang ở mức định giá quá thấp và là đang là cơ hội đầu tư dài hạn tiềm năng.

## Cải thiện NIM với động lực chính từ tăng trưởng tín dụng



Lũy kế 12 tháng gần nhất (LTM) NIM của SHB đạt 3.39%, thấp hơn mức 3.56% trung bình của các ngân hàng FIDT quan sát. Trong giai đoạn 2020 – 2024, NIM của SHB dao động quanh vùng 3.6%, cải thiện đáng kể so với mức 2.5% trong giai đoạn SHB tập trung xử lý nợ xấu của Habubank và ảnh hưởng từ Vinashin phá sản.

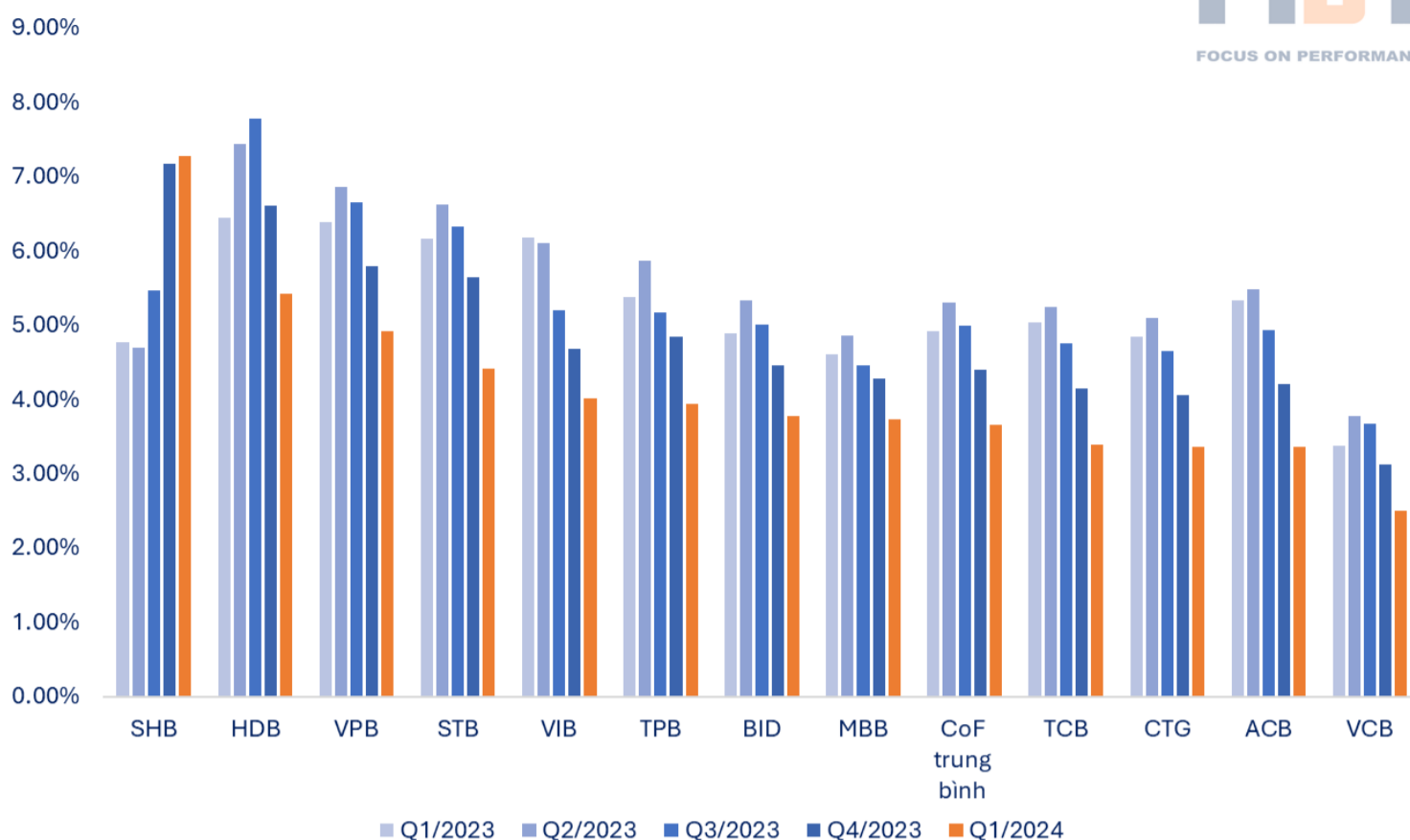
**Tỷ suất sinh lời trên tài sản có sinh lãi (IEA yield) trong top toàn ngành góp phần hỗ trợ cải thiện NIM.** IEA yield của SHB đạt trung bình 9.3% trong giai đoạn 2020 – 2024, nằm trong top cao nhất trong danh mục ngân hàng FIDT quan sát, chủ yếu do SHB theo đuổi phân khúc KHDN yield cao.



Cho vay doanh nghiệp chiếm 78.4% danh mục cho vay, SHB tập trung phát triển xoay quanh các khách hàng chiến lược, doanh nghiệp lớn đặc biệt là các tập đoàn lớn với hệ sinh thái với chuỗi giá trị, điều này cho phép SHB tạo sự khác biệt với những ngân hàng khác khi mức yield trong phân khúc KHDN thường kém hơn bán lẻ. Tuy nhiên SHB ghi nhận IEA yield Q1/2024 giảm đáng kể, chủ yếu do tăng trưởng tín dụng ghi nhận yếu, chỉ đạt 0.52% trong 5T2024.

**CASA thấp cản trở cải thiện NIM.** Bất chấp sở hữu IEA yield trong top toàn ngành, chi phí huy động (Cost of fund – CoF) của SHB lại cao nhất trong danh mục FIDT theo dõi. CASA ở mức thấp (7.3% tại thời điểm Q1/2024) là nguyên nhân chính dẫn đến chi phí huy động đắt đỏ, khiến SHB phải phụ thuộc vào nguồn vốn huy động có kỳ hạn và VCSH.

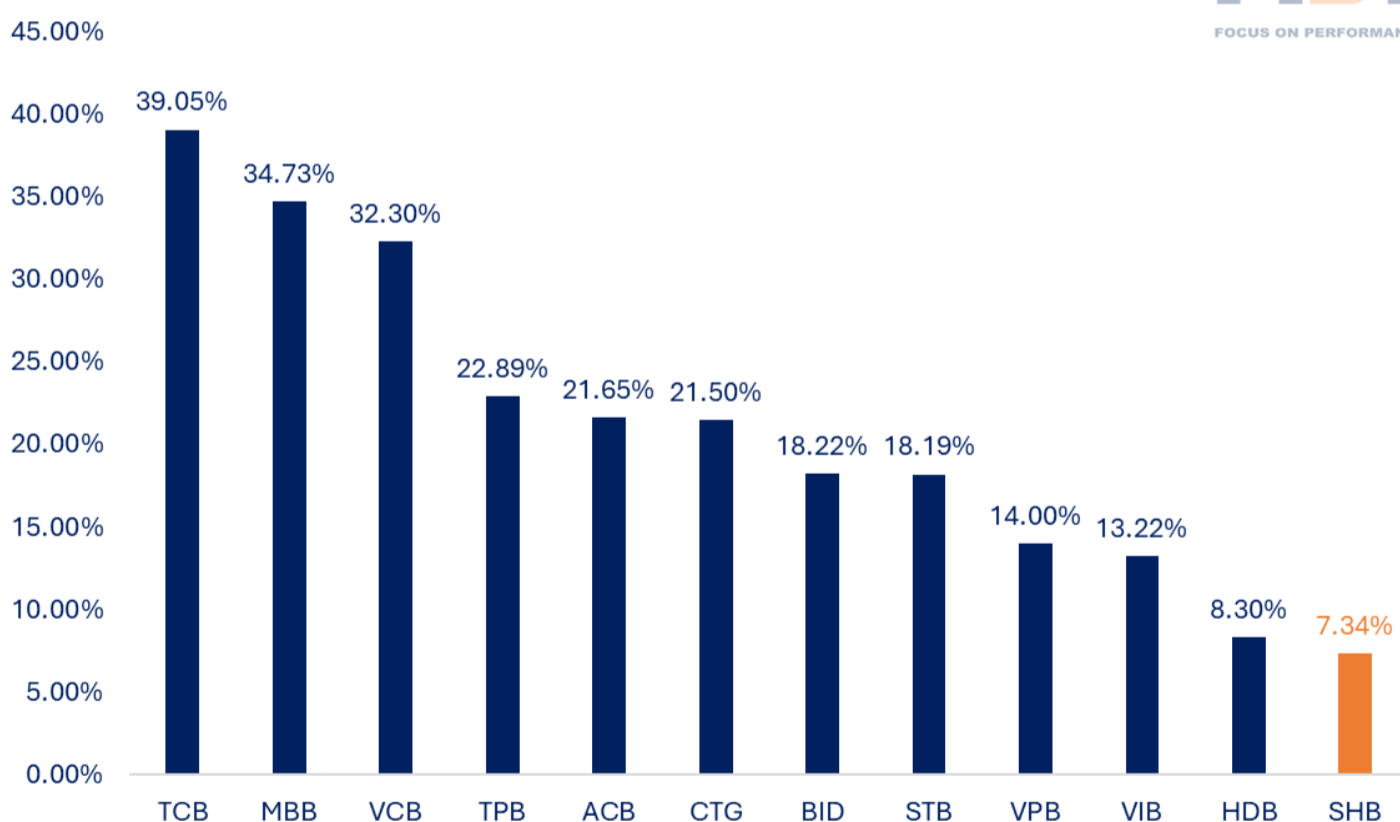
## Biến động CoF của các Ngân hàng 5 quý gần nhất



Nguồn: Báo cáo tài chính các ngân hàng, FIDT tổng hợp

SHB ghi nhận CASA sụt giảm 2.29 điểm phần trăm QoQ, chỉ còn 7.34% trong Q1/2024, kết hợp với tăng trưởng tín dụng yếu là những yếu tố chính cản trở tăng trưởng NIM của SHB. Theo FIDT, CASA giảm mạnh trong Q1 một phần do tăng trưởng tín dụng yếu, tại các ngân hàng tập trung cho vay KHDN như SHB, CASA có tương quan mạnh với tăng trưởng tín dụng, khi các khoản giải ngân tín dụng chưa sử dụng sẽ hiện hữu tại tài khoản của DN tại ngân hàng đó, từ đó ảnh hưởng đến CASA. Do vậy, tăng trưởng tín dụng âm trong Q1 góp phần dẫn đến CASA của SHB suy giảm.

## CASA của các ngân hàng thời điểm Q1/2024

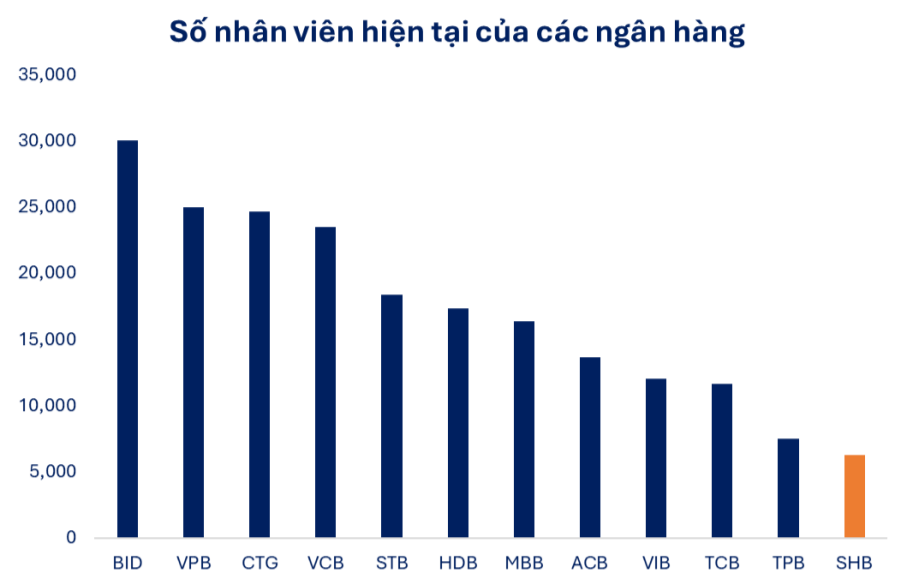
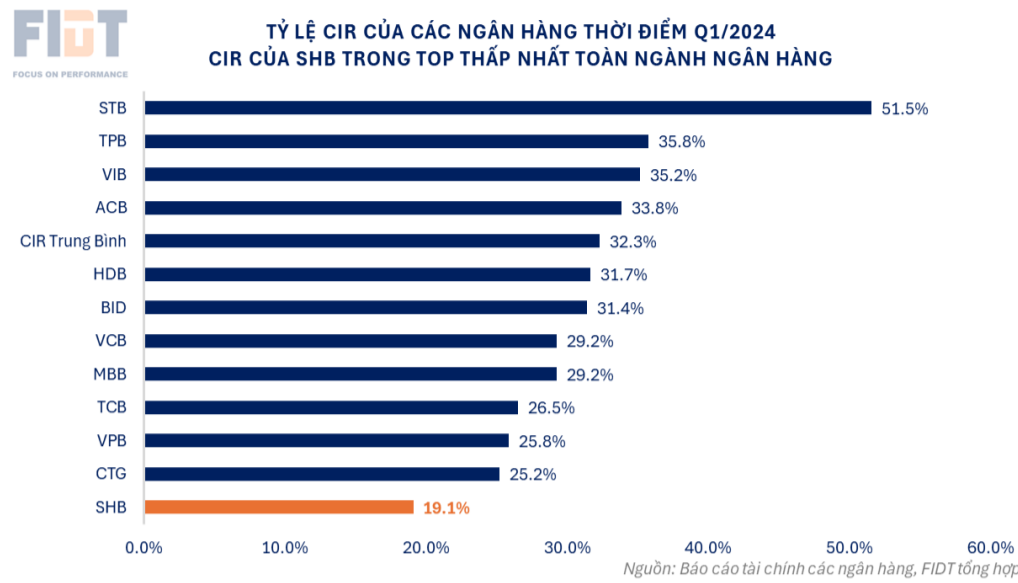


Nguồn: Báo cáo tài chính các ngân hàng, FIDT tổng hợp

Với kỳ vọng nền kinh tế sẽ dần ấm lên từ 2H2024, tăng trưởng tín dụng tích cực sẽ bù đắp chi phí huy động cao, từ đó hỗ trợ NIM. Trong những giai đoạn đầu tiên của phục hồi kinh tế, nhu cầu tín dụng từ phía khách hàng doanh nghiệp sẽ tích cực hơn phân khúc bán lẻ khi (1) khả năng hấp thụ tín dụng ở phân khúc bán lẻ còn yếu (2) hoạt động cho vay mua nhà còn ảm đạm khi thị trường bất động sản còn yếu. Phân khúc KHDN sẽ được các bank ưu tiên đẩy mạnh khi nhu cầu tín dụng từ phía doanh nghiệp sẽ sớm hơn bán lẻ. Do vậy, FIDT đánh giá cao những ngân hàng có danh mục cho vay doanh nghiệp mạnh, điển hình là SHB.

## CIR ở mức thấp nhất ngành

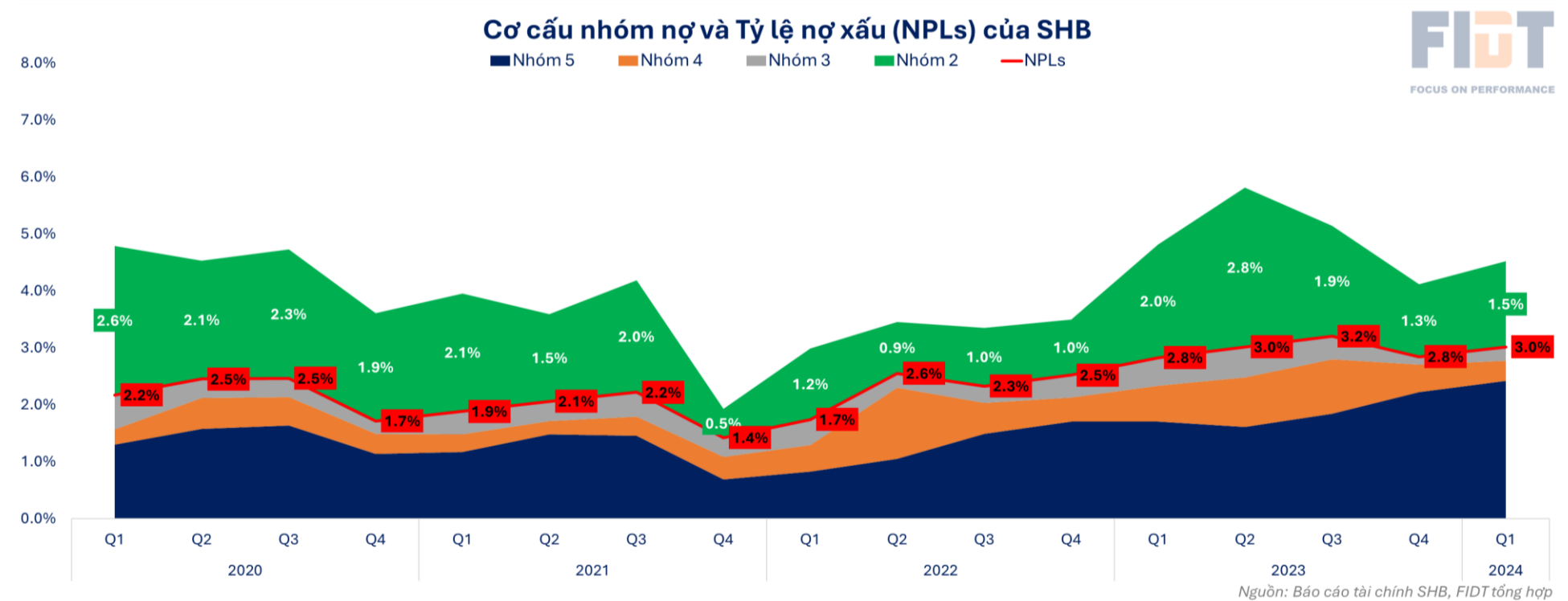
Khả năng quản trị chi phí của SHB tốt nhất ngành khi tỷ lệ chi phí trên thu nhập (Cost to Income – CIR) duy trì ở mức thấp trong nhiều quý, theo chúng tôi chủ yếu do chi phí lương nhân viên thấp. CAGR của Chi phí cho nhân viên của SHB chỉ đạt 2% trong giai đoạn 2020 – 2023, thấp hơn đáng kể so với trung bình ngành (8%) và một số ngân hàng cùng quy mô như ACB (9%), STB (4%) HDB (10%)



Khả năng quản trị chi phí tốt cho phép SHB tối ưu hiệu quả hoạt động, đảm bảo tăng trưởng lợi nhuận trong bối cảnh ngành Ngân hàng còn nhiều bất định. Đồng thời, CIR thấp cho phép SHB thoải mái hơn trong việc trích lập dự phòng khi diễn biến chất lượng tài sản đang xấu dần đầu năm nay.

## Chất lượng tài sản suy giảm, kỳ vọng cải thiện so với 2023

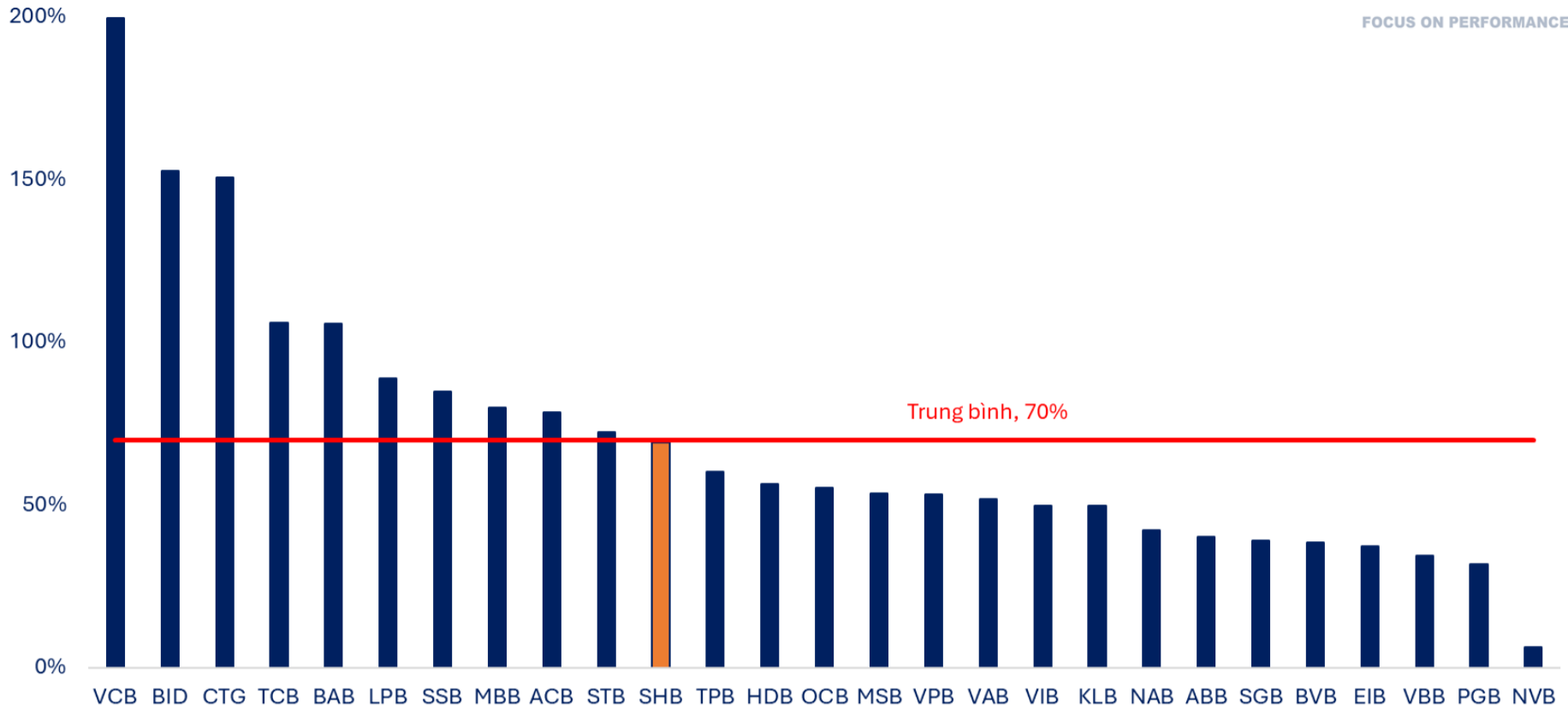
Tỷ lệ nợ xấu quay lại xu hướng tăng trong Q1 sau khi sụt giảm đáng kể trong Q4. Kết thúc Q1/2024, tỷ lệ nợ xấu (NPLs) của SHB chạm mốc 3%, tiệm cận vùng đỉnh nợ xấu trong Q2-Q3/2023 và chạm vùng khuyến nghị của SBV. Nợ xấu tăng là bối cảnh chung của ngành Ngân hàng trong Q1, tuy nhiên chúng tôi nhận thấy chất lượng tài sản hiện tại của SHB suy giảm đáng kể so với thời điểm Q2-Q3/2023, khi lượng lớn nợ nhóm 3,4 đã được đẩy xuống nợ nhóm 5. Tỷ trọng nợ nhóm 5 trong Q1 đã đạt mức cao nhất kể từ đầu 2020.



Tuy nhiên, tăng trưởng tín dụng yếu là nguyên nhân chính gây áp lực lên tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ. Thực tế, tổng giá trị nợ xấu giảm 0.2% QoQ, vì vậy tăng trưởng tín dụng âm 0.2% trong quý 1 khiến tỷ lệ NPLs tăng trở lại trong Q1, một phần do tín dụng tăng trưởng nóng trong Q4/2024.

Tỷ lệ bao phủ nợ xấu tăng nhẹ 0.5 điểm phần trăm, đi ngược lại so với xu hướng giảm toàn ngành. LLCR của SHB hiện đang ở mức trung bình ngành, tuy nhiên chúng tôi nhận thấy SHB thường không thực hiện trích lập trong Q1/2024.

## Tỷ lệ bao phủ nợ xấu của các ngân hàng thời điểm Q1/2024

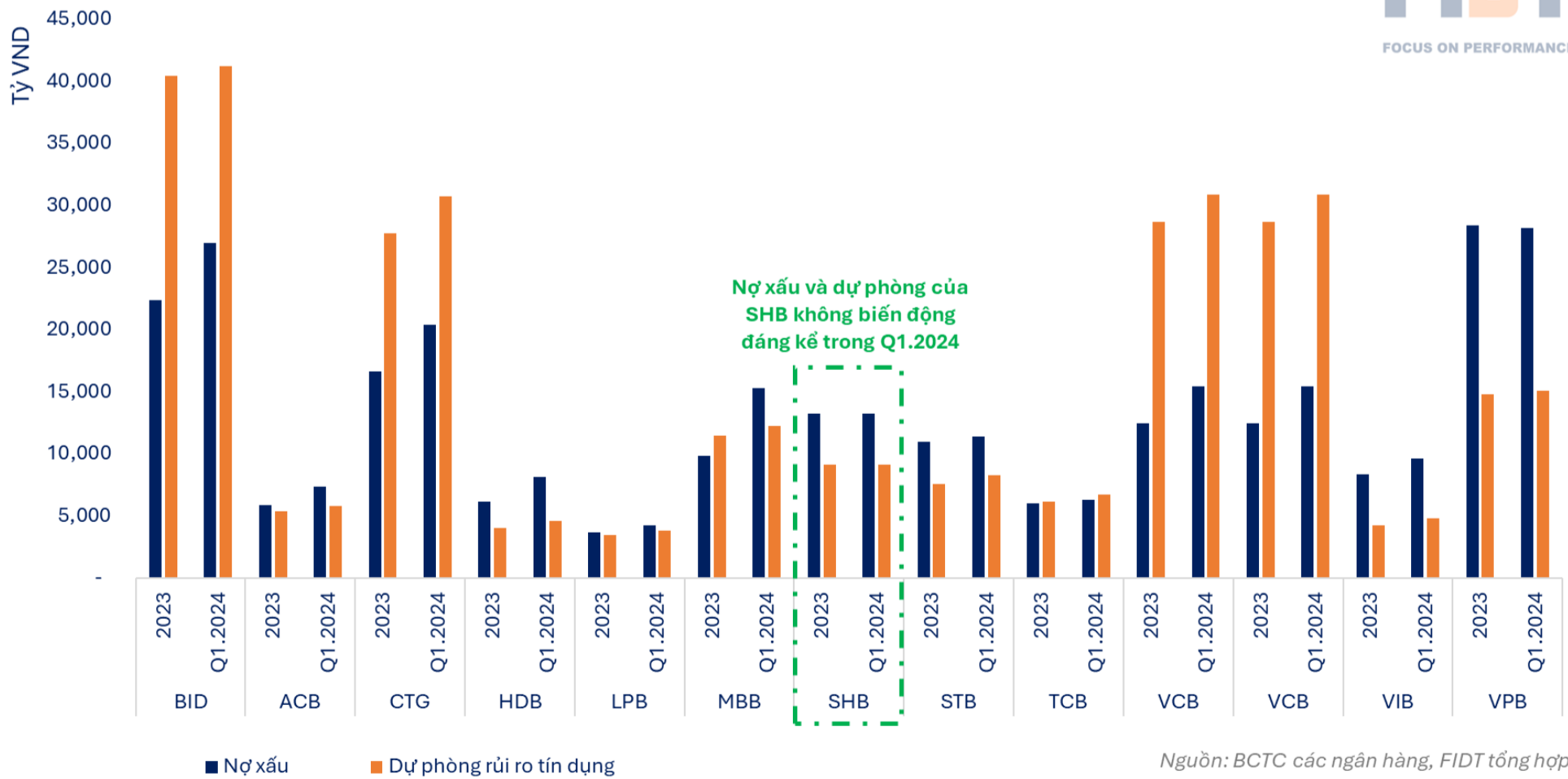


Nguồn: BCTC các ngân hàng, FIDT tổng hợp

FIDT kỳ vọng tình hình nợ xấu của ngành Ngân hàng nói chung và SHB nói riêng sẽ cải thiện đáng kể so với 2023, dựa trên những yếu tố hỗ trợ (1) thông tư 02 đã được gia hạn đến hết năm 2024, cho phép giữ nguyên nhóm nợ của các khoản nợ tái cơ cấu (2) kỳ vọng nền kinh tế dần ấm lên trong nửa sau 2024 hỗ trợ hoạt động thu hồi nợ.

Ban lãnh đạo SHB đưa tỷ lệ nợ xấu mục tiêu năm 2024 xuống 2.7%, phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi. Trong bối cảnh tăng trưởng tín dụng yếu và NIM giảm, chúng tôi kỳ vọng SHB sẽ sử dụng bộ đệm dự phòng để xử lý nợ xấu đồng thời giảm bớt áp lực dự phòng trong những quý tới.

## Nợ xấu và dự phòng rủi ro tín dụng của các ngân hàng FIDT theo dõi



Nguồn: BCTC các ngân hàng, FIDT tổng hợp

# Dự phóng KQKD và Định giá

## Dự phóng KQKD giai đoạn 2024 - 2025

Tỷ VND	2023A	2024F	%YoY 2023	2025F	%YoY 2024	Chú thích
Thu nhập lãi thuần	19,285	23,712	23.0%	26,255	10.7%	Dự phóng dựa trên giả định tăng trưởng tín dụng đạt 13%/13.5% trong giai đoạn 2024 - 2025
Thu nhập từ phí dịch vụ	545	667	22.4%	751	12.5%	
Tổng thu nhập ngoài lãi	2,043	1,973	-3.4%	2,595	31.5%	
Chi phí hoạt động	(5,052)	(5,908)	16.9%	(6,491)	9.9%	
LN thuần từ HĐKD trước DPRR tín dụng	16,277	19,778	21.5%	22,359	13.1%	
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(7,038)	(7,269)	3.3%	(7,519)	3.4%	Giả định LLR 2024F/2025F đạt 85%. Tỷ lệ nợ xấu giảm về mức 2.7%
Tổng lợi nhuận trước thuế	9,239	12,508	35.4%	14,840	18.6%	
NIM	3.5%	3.8%	+0.2 điểm %	3.7%	+0.13 điểm %	NIM cải thiện với hỗ trợ từ tăng trưởng tín dụng tích cực
NPLs	2.28%	1.60%	-0.68 điểm %	1.50%	-0.1 điểm %	



FIDT RS kết hợp phương pháp Chiết khấu thu nhập thặng dư và phương pháp P/B mục tiêu để đưa ra giá mục tiêu cho SHB, với trọng số bằng nhau cho cả hai phương pháp. Kết quả định giá của 2 phương pháp:

Tổng hợp định giá		
Phương pháp	Trọng số	Giá trị
Giá trị thặng dư (RI)	50%	15,676
P/B mục tiêu @ 1.02x	50%	16,699
<b>Giá mục tiêu</b>		<b>16,187</b>
Upside		40%

Với phương pháp Chiết khấu thu nhập thặng dư, chúng tôi sử dụng chi phí vốn chủ sở hữu là 16.5%, cao hơn mức trung bình sử dụng cho các ngân hàng cùng quy mô nhằm thể hiện rõ quan điểm thận trọng của chúng tôi liên quan đến nhiều rủi ro tồn đọng của SHB.

Giả định chính và Kết quả định giá:

VNDBn	2024F	2025F	2026F	2027F	2028F
Beginning Book Value	50,098	59,958	71,730	86,846	103,197
Net Income	9,860	11,772	15,116	16,350	17,318
Equity Charge	8,286	9,917	11,864	14,364	17,069
Residual Income	1,573	1,855	3,252	1,986	250
PV of RI	1,457	1,474	2,218	1,162	125

Sum PV of RI	6,436
PV of terminal value @ 2%	879
<b>Total PV (RI)</b>	<b>7,315</b>
Book value FY2023	50,098
<b>Fair equity value</b>	<b>57,413</b>
Shares outstanding (billion)	3.662
<b>Fair value per share (VND)</b>	<b>15,676</b>



Risk Free (Rf)	6.0%
Beta (Bloomberg)	1.2
Market risk premium	8.5%
<b>Cost of Equity</b>	<b>16.5%</b>

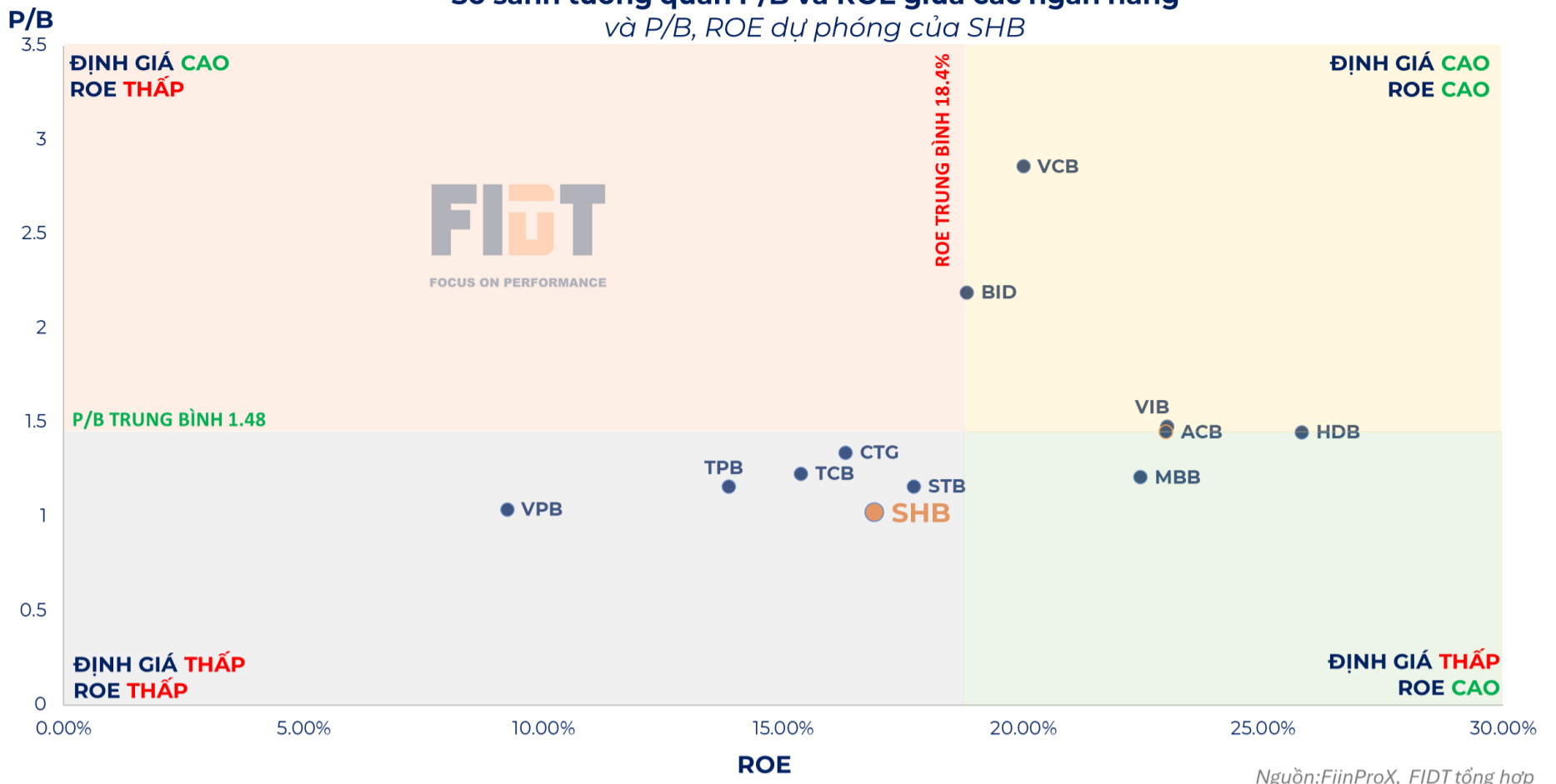
Với phương pháp P/B mục tiêu, FIDT RS sử dụng mức P/B mục tiêu là 1.02 lần, tính toán từ mô hình Mô hình tăng trưởng Gordon.

Bảng phân tích độ nhạy bên minh họa giá trị P/B hợp lý cho SHB ở mức 1.02 lần với ROE ước tính trong giai đoạn 2020 - 2028 là 16.9% và chi phí vốn cổ phần là 16.5%.

Tăng trưởng cuối	ROE bình quân giai đoạn 2020 - 2028				
	12.9%	14.9%	16.9%	18.9%	20.9%
1.0%	0.77x	0.89x	1.02x	1.15x	1.28x
1.5%	0.76x	0.89x	1.02x	1.16x	1.29x
2.0%	0.75x	0.89x	<b>1.02x</b>	1.16x	1.30x
2.5%	0.74x	0.88x	1.03x	1.17x	1.31x
3.0%	0.73x	0.88x	1.03x	1.17x	1.32x



**So sánh tương quan P/B và ROE giữa các ngân hàng  
và P/B, ROE dự phóng của SHB**



## Báo cáo tài chính

Kết quả kinh doanh (Tỷ VND)	2023A	2024F	2025F	Tỷ lệ (%)	2023A	2024F	2025F
Thu nhập lãi	57,589	65,273	70,903	<b>Tăng trưởng</b>			
Chi phí lãi	(38,304)	(41,560)	(44,648)	Tăng trưởng tổng tài sản	16.2%	11.7%	12.3%
<b>Thu nhập lãi thuần</b>	<b>19,285</b>	<b>23,712</b>	<b>26,255</b>	Tăng trưởng cho vay khách hàng	13.7%	13.0%	13.5%
Thu nhập từ phí dịch vụ	545	667	751	Tăng trưởng tiền gửi	23.7%	10.0%	10.0%
Thu nhập ngoài lãi khác	1,498	1,305	1,844	Tăng trưởng tiền gửi + giấy tờ có giá	23.2%	10.2%	10.2%
<b>Tổng thu nhập ngoài lãi</b>	<b>2,043</b>	<b>1,973</b>	<b>2,595</b>	Tăng trưởng VCSH	16.8%	19.7%	19.6%
<b>Tổng thu nhập hoạt động</b>	<b>21,328</b>	<b>25,685</b>	<b>28,850</b>	Tăng trưởng TOI	10.3%	20.4%	12.3%
Chi phí hoạt động	(5,052)	(5,908)	(6,491)	Tăng trưởng OPEX	8.9%	21.5%	13.1%
<b>LN thuần từ HĐKD trước DPRR tín dụng</b>	<b>16,277</b>	<b>19,778</b>	<b>22,359</b>	Tăng trưởng LNST	-5.2%	34.6%	19.4%
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(7,038)	(7,269)	(7,519)	<b>Chất lượng tài sản</b>			
<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>9,239</b>	<b>12,508</b>	<b>14,840</b>	Nhóm 2/Tổng dư nợ	1.95%	1.45%	1.45%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(1,914)	(2,649)	(3,068)	Tỷ lệ nợ xấu (NPL)	3.02%	2.70%	2.60%
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>7,325</b>	<b>9,860</b>	<b>11,772</b>	Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR)	69%	85%	95%
Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	-	-	Chi phí dự phòng/Tổng dư nợ	1.61%	1.47%	1.34%
<b>Cổ đông của Công ty mẹ</b>	<b>7,325</b>	<b>9,860</b>	<b>11,772</b>				

Cân đối kế toán (Tỷ VND)	2023A	2024F	2025F	Tỷ lệ (%)	2023A	2024F	2025F
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	1,371	2,477	2,812	<b>Khả năng sinh lợi</b>			
Tiền gửi tại SBV	54,764	59,456	67,482	NIM	3.53%	3.75%	3.70%
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	63,549	69,365	73,106	Lợi suất tài sản sinh lãi	10.5%	10.3%	10.0%
Chứng khoán kinh doanh	7,793	7,793	7,793	Chi phí huy động	7.3%	7.0%	6.8%
Các công cụ tài chính phái sinh	-	-	-	CIR	23.7%	23.0%	22.5%
Cho vay khách hàng	429,363	484,094	548,462	<b>Thanh khoản</b>			
Cho vay khách hàng	438,464	495,464	562,352	CASA	10.1%	10.1%	12.1%
<i>Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng</i>	<i>(9,101)</i>	<i>(11,371)</i>	<i>(13,890)</i>	LDR	80%	82%	84%
Hoạt động mua nợ	-	-	-				
Chứng khoán đầu tư	32,064	34,828	39,529				
Góp vốn, đầu tư dài hạn	414	414	414				
Tài sản cố định	5,229	5,909	6,707				
Bất động sản đầu tư	-	-	-				
Tài sản Có khác	35,954	40,175	45,132				
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>630,501</b>	<b>704,510</b>	<b>791,437</b>				
<b>Nợ phải trả</b>	<b>580,402</b>	<b>644,553</b>	<b>719,707</b>				
Nợ SBV	1,334	1,507	1,710				
Huy động & vay liên ngân hàng	70,766	79,966	90,761				
Tiền gửi của khách hàng	447,503	492,254	541,479				
Các công cụ tài chính phái sinh	97	-	-				
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư	1,611	1,821	2,066				
Phát hành giấy tờ có giá	42,822	47,848	53,752				
Các khoản nợ khác	16,269	21,157	29,938				
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>50,098</b>	<b>59,958</b>	<b>71,730</b>				
Vốn chủ sở hữu của cổ đông	50,098	59,958	71,730				
Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	-	-				
<b>NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>630,501</b>	<b>704,510</b>	<b>791,437</b>				

## PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÂN TÍCH FIDT

---

**Đoàn Minh Tuấn – Giám đốc khối**

---

**Phạm Hoàng Quang Kiệt – Phó phòng**

Email: [kiet.pham@fidt.vn](mailto:kiet.pham@fidt.vn)

Facebook: <https://www.facebook.com/hoangquangkiet>

Số điện thoại: 096.143.4058

---

**Tạ Đoàn Long – Chuyên viên phân tích**

Email: [long.ta@fidt.vn](mailto:long.ta@fidt.vn)

Facebook: <https://www.facebook.com/tdlong5112/>

Tiktok: [https://www.tiktok.com/@longinvest\\_otm](https://www.tiktok.com/@longinvest_otm)

---

**Võ Thanh Duy – Chuyên viên phân tích**

---

**Nguyễn Viết Nhật – Chuyên viên phân tích**

---

**Nguyễn Kim Dũng – Chuyên viên phân tích**

Số điện thoại: 038.991.3349

---

**Hà Kim Thành – Chuyên viên phân tích**

---

**Nguyễn Vũ Trường Giang – Chuyên viên phân tích**

## LƯU Ý VÀ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Quý nhà đầu tư nên đọc kỹ các rủi ro mà chúng tôi có dự phòng và đề cập trong báo cáo cũng như nhận diện về rủi ro thị trường để có lựa chọn đầu tư hiệu quả. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này phản ánh đánh giá của FIDT tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi theo tình hình doanh nghiệp và thị trường từng thời kỳ mà không phải thông báo. Ngoài ra, FIDT và các nhân sự của FIDT có quyền thực hiện các giao dịch liên quan đến các cổ phiếu, cơ hội đầu tư liên quan đề cập tại báo cáo này mà không phải thông báo.

Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt của nhà đầu tư. Mọi khuyến nghị đầu tư tại tính năng này được đưa ra dựa trên nhận định, dự đoán thị trường với mục đích tối ưu hóa lợi nhuận và hạn chế rủi ro cho nhà đầu tư. Tuy nhiên, nhà đầu tư nhận thức được rằng kết quả đầu tư sẽ phụ thuộc vào nhiều yếu tố và do đó chúng tôi không cam kết bất kỳ mức độ lợi nhuận nào đối với việc đầu tư của nhà đầu tư. Nhà đầu tư là người quyết định đầu tư, do đó nhà đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm về kết quả đầu tư của mình.

Báo cáo này là tài sản và được giữ bản quyền bởi FIDT. Không được phép sao chép, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích gì nếu không có văn bản chấp thuận của FIDT. Vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

**Chúng tôi xin chân thành cảm ơn quý khách hàng!**

